

Tăng tỷ trọng

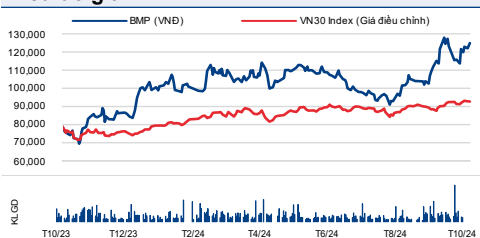
Giá mục tiêu: VNĐ135,700

Tiềm năng tăng/giảm: 8.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (16/10/2024)	124,900
Mã Bloomberg	BMP VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	69,438-127,900
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	122,967
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	10,224
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	410
Slg CP lưu hành (tr.đv)	81.9
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	81.9
Slg CP NN được mua (tr.đv)	13.0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	84.1%
Tỷ lệ freefloat	33.1%
Cổ đông lớn	Nawa Plastic (55.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	5,157	4,977	5,375
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,506	1,538	1,468
LN TT (tỷ đồng)	1,307	1,322	1,243
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,041	1,051	988
FCF (tỷ đồng)	1,545	813	889
EPS ĐC (đồng)	12,717	12,840	12,070
DPS (đồng)	12,650	12,500	11,500
BVPS (đồng)	32,857	34,047	33,617
T.trưởng EBITDA (%)	31.4	2.13	(4.56)
T.trưởng EPS ĐC (%)	49.9	0.97	(6.00)
Tăng trưởng DPS (%)	50.6	(1.19)	(8.00)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	29.2	30.9	27.3
Tỷ suất LN TT (%)	25.3	26.6	23.1
Tỷ suất LNT ĐC (%)	20.2	21.1	18.4
Tỷ lệ LN trả CT (%)	99.5	97.4	95.3
Nợ thuần/VCSH (%)	(26.5)	(23.1)	(21.1)
ROAE (%)	39.2	38.4	35.7
ROACE (%)	49.8	49.4	46.1
EV/doanh thu (lần)	1.60	1.68	1.56
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.49	5.45	5.73
P/E ĐC (lần)	9.82	9.73	10.3
P/B (lần)	3.80	3.67	3.72
Lợi suất cổ tức (%)	10.1	10.0	9.21

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Nhựa Bình Minh là công ty sản xuất ống nhựa hàng đầu Việt Nam nhờ vào chất lượng sản phẩm vượt trội và thương hiệu hàng đầu cả nước.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q3/2024: Lợi nhuận thuần tăng 39% so với cùng kỳ; sát với dự báo

- Ngày 16/10/2024, BMP công bố KQKD Q3/2024 tích cực và sát với dự báo, với lợi nhuận thuần đạt 289,6 tỷ đồng, tăng 39% so với cùng kỳ (so với dự báo của chúng tôi ở mức 290 tỷ đồng) trên doanh thu thuần 1.407 tỷ đồng, tăng 52% so với cùng kỳ (so với dự báo 1.400 tỷ đồng).
- Doanh thu thuần tăng mạnh chủ yếu nhờ sản lượng tiêu thụ tăng đúng như dự báo ở mức 52% so với cùng kỳ, sau khi Công ty triển khai các chương trình khuyến mãi trong tháng 8-9/2024.
- Với KQKD tích cực, lợi nhuận thuần 9 tháng đầu năm 2024 đạt 760 tỷ đồng, giảm 3% so với cùng kỳ do KQKD nửa đầu năm 2024 kém khả quan, BMP đã hoàn thành 72% dự báo lợi nhuận thuần cho cả năm 2024 của HSC.
- HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu không đổi 135.700đ (tiềm năng tăng giá 9%). BMP đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 9,6 lần, cao hơn bình quân 7 năm ở mức 9,3 lần.

Sự kiện: Công bố BCTC Q3/2024

Chiều ngày 16/10/2024, BMP công bố KQKD Q3/2024 tích cực và sát với dự báo. Theo đó, lợi nhuận thuần Q3/2024 đạt 290 tỷ đồng, tăng 39% so với cùng kỳ và tăng 3% so với quý trước trên doanh thu thuần 1.407 tỷ đồng, tăng 52% so với cùng kỳ và tăng 22% so với quý trước. Kết quả trên sát với dự báo doanh thu thuần 1.400 tỷ đồng và lợi nhuận thuần 290 tỷ đồng của HSC. Chi tiết như sau:

Doanh thu thuần phục hồi nhờ sản lượng tiêu thụ tăng mạnh

Như đã đề cập trong báo cáo trước đó “Ngành ống nhựa: BMP lấy lại vị trí dẫn đầu trong Q3/2024” được phát hành ngày 8/10/2024, HSC dự báo sản lượng tiêu thụ ống nhựa trong Q3/2024 của BMP sẽ đạt 23.564 tấn, tăng 52% so với cùng kỳ và 20% so với quý trước.

Sự thay đổi trong việc triển khai các chương trình khuyến mãi trong thời gian gần đây là động lực chính thúc đẩy sản lượng tiêu thụ tăng mạnh. Do đó, cho 9 tháng đầu năm 2024, chúng tôi dự báo sản lượng tiêu thụ đạt 60.170 tấn, tương ứng với mức giảm 4% so với cùng kỳ (so với mức giảm mạnh 22% được ghi nhận trong nửa đầu năm 2024). HSC nhận thấy đây là tín hiệu rất tích cực, giúp chúng tôi bớt lo ngại về rủi ro đánh mất thị phần, điều đã diễn ra kể từ nửa cuối năm 2023. Trên thực tế, chúng tôi dự báo thị phần của BMP trong Q3/2024 cải thiện đáng kể lên 27,3%, cao hơn NTP (với 27%) và lấy lại vị trí công ty có thị phần cao nhất trong giai đoạn này.

Nhờ sản lượng tiêu thụ phục hồi mạnh, doanh thu thuần Q3/2024 tăng mạnh 52% so với cùng kỳ và 22% so với quý trước đạt 1.407 tỷ đồng, sát với dự báo của chúng tôi ở mức 1.400 tỷ đồng. Kết quả trên giúp doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2024 đạt 3,6 nghìn tỷ đồng (giảm 4% so với cùng kỳ) và hoàn thành 72% dự báo doanh thu thuần cho cả năm 2024 ở mức 5 nghìn tỷ đồng (giảm 4%)

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 16/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024, BMP

KQKD tích cực nhờ dành lại thị phần, sát với dự báo của HSC

Tỷ đồng	Q3/24	% y/y	% q/q	9T24	%y/y	% dự báo HSC
Sản lượng (tấn)	23,564	51.9%	19.6%	60,170	-3.6%	71.3%
Giá bán bình quân (triệu đồng/tấn)	59.7	0.0%	2.0%	59.8	0.8%	
Doanh thu thuần	1,407	51.9%	22.0%	3,563	-3.8%	71.6%
Lợi nhuận thuần	290	38.7%	3.3%	760	-3.1%	72.3%
Tỷ suất lợi nhuận thuần (%)	20.6%	-190ppts	-370ppts	21.1%	-10ppts	

Nguồn: BMP, HSC

Lợi nhuận tăng mạnh, nhờ doanh thu tăng trưởng tích cực

BMP công bố lợi nhuận thuần Q3/2024 tích cực, ở mức 289,6 tỷ đồng, tăng 39% so với cùng kỳ và 3% so với quý trước, sát với dự báo của HSC ở mức 290 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần tăng mạnh chủ yếu do sản lượng tiêu thụ phục hồi, như chúng tôi đã đề cập ở phần trên.

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q3/2024 của BMP đạt 43,1%, so với 43% trong Q3/2023 và 43,8% trong Q2/2024, nhờ giá hạt nhựa PVC ở mức thấp trong thời gian dài. Tuy nhiên, lợi nhuận thuần giảm (Bảng 1). Mặc dù tỷ suất lợi nhuận thuần giảm xuống còn 20,6% trong Q3/2024 từ 22,5% trong Q3/2023 và 24,3% trong Q2/2024, chúng tôi cho rằng đây là những diễn biến tích cực.

Điều này đặc biệt đáng chú ý khi xem xét nỗ lực của công ty trong việc triển khai các chương trình khuyến mãi trong tháng 8-9/2024 và tài trợ chuyến du lịch Thái Lan cho hơn 2.000 đại lý trong tháng 7/2024.

Những sáng kiến trên nhằm tăng cường sự gắn kết với các đại lý và gia tăng thị phần. Trên thực tế, thị phần của BMP đã phục hồi mạnh trở lại trong Q3/2024 (như đã đề cập ở phần trên), chứng tỏ những nỗ lực trên đã phát huy hiệu quả.

Do đó, chi phí bán hàng & quản lý trong Q3/2024 tăng mạnh lên 200 tỷ đồng, tăng 49,3% so với cùng kỳ và 42,5% so với quý trước. Kết quả trên cho thấy tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu tăng mạnh lên 14,1% trong Q3/2024 so với mức 12% trong Q2/2024 (Q3/2023 ở mức 14,3%).

Nhìn chung, nhờ KQKD Q3/2024 tích cực, lợi nhuận thuần trong 9 tháng đầu năm 2024 của BMP đạt 760 tỷ đồng, giảm 3% so với cùng kỳ và hoàn thành 72,3% dự báo cho cả năm 2024 của HSC ở mức 1.051 tỷ đồng (tăng trưởng 1%).

Duy trì khuyến nghị Tăng tỉ trọng, giá mục tiêu và dự báo

HSC giữ nguyên dự báo cho năm 2024, với doanh thu thuần dự kiến đạt 4.977 tỷ đồng, giảm 4%, trong khi lợi nhuận thuần đạt 1.051 tỷ đồng, tăng trưởng 1%.

Kết quả trên cho thấy lợi nhuận thuần Q4/2024 đạt 291 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ và không đổi so với quý trước trên doanh thu thuần 1.414 tỷ đồng, giảm 3% so với cùng kỳ và tăng 1% so với quý trước. Chúng tôi dự báo BMP sẽ tiếp tục triển khai các chương trình khuyến mãi cho khách hàng cấp 1 trong tháng 11-12/2024 để giữ thị phần, sau khi đã tăng đáng kể trong Q3/2024. Mặc dù BMP là một công ty mạnh trong ngành, chúng tôi vẫn cho rằng Công ty đang phải đối mặt với nhiều thách thức để có thể duy trì vị trí đầu ngành trong Q4/2024, do phải cạnh tranh với NTP, công ty bị ảnh hưởng tiêu cực từ bão Yagi trong tháng 9.

BMP đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 9,6 lần, cao hơn bình quân 7 năm ở mức 9,3 lần. Chúng tôi vẫn giữ nguyên dự báo lợi suất cổ tức hàng năm ở mức 10,2% trong 12 tháng tới, với kế hoạch chi trả cổ tức đợt 1 cho năm 2024 sẽ sớm được công bố.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với BMP với giá mục tiêu không đổi 135.700đ (tiềm năng tăng giá 9%).

Bảng 2: Ước tính KQKD Q4/2024, BMP

Chúng tôi dự báo KQKD Q4/2024 sẽ khả quan như Q3/2024

Chỉ tiêu	Q4/23	Q3/24	Q4/24F	% y/y	% q/q	2023	2024F	% y/y
Sản lượng (tấn)	24,521	23,564	24,169	-1.4%	2.6%	86,947	84,339	-3.0%
Giá bán bình quân (triệu đồng/tấn)	59.3	59.7	58.5	-1.3%	-2.0%	59.3	59.0	-0.5%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1,454	1,407	1,414	-2.8%	0.5%	5,157	4,977	-3.5%
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	257	290	291	13.3%	0.3%	1,041	1,051	1.0%
Tỷ suất lợi nhuận thuần (%)	17.7%	20.6%	21.1%			20.2%	21.1%	

Nguồn: HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	5,808	5,157	4,977	5,375	5,867
Lợi nhuận gộp	1,608	2,116	2,177	2,141	2,270
Chi phí BH&QL	(632)	(783)	(816)	(855)	(962)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	975	1,333	1,361	1,287	1,308
Lãi vay thuần	(102)	(27.1)	(42.0)	(47.2)	(61.4)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(4.94)	(2.13)	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	3.26	3.12	3.01	3.25	3.55
LNTT	871	1,307	1,322	1,243	1,250
Chi phí thuế TNDN	(177)	(266)	(271)	(255)	(256)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	694	1,041	1,051	988	994
Lợi nhuận thuần ĐC	694	1,041	1,051	988	994
EBITDA ĐC	1,146	1,506	1,538	1,468	1,496
EPS (đồng)	8,481	12,717	12,840	12,070	12,137
EPS ĐC (đồng)	8,481	12,717	12,840	12,070	12,137
DPS (đồng)	8,400	12,650	12,500	11,500	12,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	359	821	747	692	703
Đầu tư ngắn hạn	965	1,190	1,145	1,183	1,173
Phải thu khách hàng	279	174	316	344	377
Hàng tồn kho	577	364	498	538	587
Các tài sản ngắn hạn khác	36.0	44.2	42.7	46.1	50.3
Tổng tài sản ngắn hạn	2,215	2,594	2,748	2,803	2,890
TSCĐ hữu hình	386	292	163	92.0	63.9
TSCĐ vô hình	7.20	5.91	5.79	7.60	10.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
Đầu tư vào Cty LD,LK	64.4	62.3	62.3	62.3	62.3
Tài sản dài hạn khác	370	299	348	376	411
Tổng tài sản dài hạn	830	661	582	540	549
Tổng cộng tài sản	3,045	3,255	3,330	3,343	3,439
Nợ ngắn hạn	55.2	55.2	53.3	56.4	58.7
Phải trả người bán	91.4	154	143	168	187
Nợ ngắn hạn khác	188	202	195	210	229
Tổng nợ ngắn hạn	403	546	524	572	616
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	423	565	543	591	635
Vốn chủ sở hữu	2,621	2,690	2,787	2,752	2,804
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	2,621	2,690	2,787	2,752	2,804
Tổng nợ phải trả và VCSH	3,045	3,255	3,330	3,343	3,439
BVPS (đ)	32,021	32,857	34,047	33,617	34,254
Nợ thuần/(tiền mặt)	(303)	(766)	(694)	(635)	(644)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	975	1,333	1,361	1,287	1,308
Khấu hao	(170)	(172)	(177)	(181)	(188)
Lãi vay thuần	(102)	(27.1)	(42.0)	(47.2)	(61.4)
Thuế TNDN đã nộp	(131)	(147)	(271)	(255)	(256)
Thay đổi vốn lưu động	(59.9)	461	(249)	(65.4)	(34.6)
Khác	121	54.0	79.0	77.3	85.1
LCT thuần từ HKKD	799	1,623	881	1,000	1,044
Đầu tư TS dài hạn	(70.0)	(77.7)	(68.6)	(111)	(163)
Góp vốn & đầu tư	(922)	(1,715)	(45.2)	37.8	(9.25)
Thanh lý	797	-	15.4	(66.8)	(26.4)
Khác	50.0	106	98.6	105	104
LCT thuần từ HĐĐT	(145)	-	0.14	(35.5)	(93.8)
Cổ tức trả cho CSH	(467)	(966)	(954)	(1,023)	(941)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(2.11)	0.01	(1.91)	3.19	2.23
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(469)	(966)	(956)	(1,020)	(939)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	173	359	821	747	692
LCT thuần trong kỳ	186	-	(74.1)	(55.5)	11.1
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.02	0.01	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	359	-	747	692	703
Dòng tiền tự do	729	1,545	813	889	882

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	27.7	41.0	43.7	39.8	38.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.7	29.2	30.9	27.3	25.5
Tỷ suất LNT (%)	12.0	20.2	21.1	18.4	16.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.3	20.4	20.5	20.5	20.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	27.6	(11.2)	(3.48)	8.00	9.14
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	118	31.4	2.13	(4.56)	1.92
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	224	49.9	0.97	(6.00)	0.56
Tăng trưởng EPS (%)	224	49.9	0.97	(6.00)	0.56
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	224	49.9	0.97	(6.00)	0.56
Tăng trưởng DPS (%)	223	50.6	(1.19)	(8.00)	4.35
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	99.0	99.5	97.4	95.3	98.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.3	39.2	38.4	35.7	35.8
ROACE (%)	39.4	49.8	49.4	46.1	46.7
Vòng quay tài sản (lần)	1.97	1.64	1.51	1.61	1.73
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.82	1.22	0.65	0.78	0.80
Số ngày tồn kho	50.1	43.7	64.9	60.7	59.5
Số ngày phải thu	24.2	20.9	41.2	38.9	38.3
Số ngày phải trả	7.94	18.5	18.6	19.0	19.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(11.4)	(26.5)	(23.1)	(21.1)	(20.8)
Nợ/tài sản (%)	1.92	3.31	3.12	3.32	3.44
EBIT/lãi vay (lần)	9.53	49.3	32.4	27.3	21.3
Nợ/EBITDA (lần)	0.05	0.07	0.07	0.08	0.08
Chỉ số TT hiện thời (lần)	5.49	4.75	5.24	4.90	4.69
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.54	1.60	1.68	1.56	1.43
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.82	5.49	5.45	5.73	5.62
P/E (lần)	14.7	9.82	9.73	10.3	10.3
P/E ĐC (lần)	14.7	9.82	9.73	10.3	10.3
P/B (lần)	3.90	3.80	3.67	3.72	3.65
Lợi suất cổ tức (%)	6.73	10.1	10.0	9.21	9.61

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn